ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHƯỚC LONG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 107/KH - UBND	*Phước Long, ngày 09 tháng 5 năm 2023*

KẾ HOẠCH

Ứng dụng khoa học và công nghệ trong các lĩnh vực; phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ và công nghiệp công nghệ cao trên địa bàn thị xã Phước Long giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030

Căn cứ Kết luận số 363-KL/TU ngày 25/6/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phát triển công nghiệp công nghệ cao tỉnh Bình Phước giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Kết luận số 369-KL/TU ngày 25/6/2022 của Ban thường vụ Tỉnh ủy về phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

Căn cứ Kết luận số 370-KL/TU ngày 25/6/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về định hướng nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ trong các lĩnh vực giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 1943/QĐ-UBND ngày 18/10/2022 của UBND tỉnh v/v phê duyệt Đề án "Đề án Phát triển công nghiệp công nghệ trên địa bàn thị xã giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030";

Căn cứ Quyết định số 1862/QĐ-UBND ngày 10/10/2022 của UBND tỉnh v/v phê duyệt Đề án "Sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030";

Căn cứ Kế hoạch số 299/KH-UBND ngày 17/10/2022 của UBND tỉnh về nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ trong các lĩnh vực giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Kế hoạch số 348/KH-UBND ngày 23/11/2022 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Đề án Phát triển công nghiệp công nghệ trên địa bàn thị xã giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Kế hoạch số 121/KH-TU ngày 14/12/2022 của Thị ủy về phát triển công nghiệp công nghệ cao trên địa bàn thị xã giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030.

Căn cứ Kế hoạch số 125-KH/TU ngày 14/12/2022 của Thị ủy về phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Kế hoạch số 126-KH/TU ngày 14/12/2022 của Thị ủy Phước Long về định hướng nghiên cứu ứng dụng khoa học và công nghệ trong các lĩnh vực trên địa bàn thị xã giai đoạn 2021-2025;

UBND thị xã ban hành Kế hoạch Nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ trong các lĩnh vực; phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ và công nghiệp công nghệ cao trên địa bàn thị xã Phước Long giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030, cụ thể như sau:

I. THỰC TRẠNG

1. Đối với ngành khoa học công nghệ

Khoa học công nghệ đã và đang tạo ra những thay đổi có tính đột phá, tạo tiền đề cho phát triển kinh tế với tốc độ và chất lượng cao hơn. So với các huyện, thị, thành phố trong tỉnh, Phước Long vẫn còn nhiều hạn chế về nghiên cứu, ứng dụng KHCN, việc triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ trong các lĩnh vực chủ lực như ngành điều còn ít, hàm lượng khoa học công nghệ trong sản phẩm còn thấp, tác động của khoa học công nghệ đến đời sống xã hội chưa rõ nét, ảnh hưởng không nhỏ đến sức cạnh tranh và chất lượng phát triển kinh tế - xã hội của thị xã.

2. Đối với ngành công nghiệp công nghệ cao

Là một đô thị trẻ được tái lập từ huyện Phước Long cũ, xuất phát điểm trình độ khoa học công nghệ còn hạn chế so với các địa phương lân cận nhất là các tỉnh thành như Đồng Nai, Bình Dương và thành phố Hồ Chí Minh. Đến nay, thị xã Phước Long chưa hình thành được công nghệ cao trong sản xuất kinh doanh.

Do vị trí địa lý ở cách xa các trung tâm đô thị có trình độ phát triển cao nên đến nay thị xã vẫn chưa hình thành được cụm công nghiệp tập trung, việc phát triển công nghiệp công nghệ cao sẽ gặp rất nhiều khó khăn trong việc thu hút các doanh nghiệp có nền tảng, trình độ khoa học công nghệ tiên tiến đến đầu tư.

3. Đối với ngành nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ

3.1. Sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao

Trên địa bàn thị xã hiện nay chưa có khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; phần lớn nông dân vẫn còn tư duy sản xuất truyền thống, nhỏ lẻ, manh mún, sản xuất mang tính tự phát.

3.2. Sản xuất nông nghiệp sạch, hữu cơ

a) Lĩnh vực trồng trọt

Thị xã có 7.649,9 ha đất canh tác, trong đó: diện tích cây hàng năm 155 ha; cây lâu năm 5.678,4 ha (gồm: cây ăn quả 352,8ha, cây công nghiệp lâu năm 5.325,6 ha không tính diện tích cây cao su 1.971,5 ha)). Hiện tại, diện tích sản xuất nông nghiệp sạch, hữu cơ hiện nay khoảng 65 ha, chiếm 1,14%, trong đó: nông nghiệp sạch 60 ha (92,3%); nông nghiệp hữu cơ 5,0 ha (7,7%), cụ thể:

- Cây Điều: tổng diện tích 5.091,4 ha, sản lượng trên 8.000 tấn. Chuỗi liên kết sản xuất có diện tích Điều khoảng 200 ha. Chưa hình thành chuỗi hợp tác vùng nguyên liệu Điều hữu cơ.

- Cây ăn trái: diện tích cây ăn trái hiện có 352,8 ha; trong đó sản xuất sạch 60 ha, chiếm 17% diện tích (trong đó: Sầu riêng 60 ha đạt tiêu chuẩn VietGAP).

- Rau, củ, quả: diện tích 36,7 ha; sản xuất sạch khoảng 5,0 ha, chiếm khoảng 14% diện tích.

b) Lĩnh vực chăn nuôi

- Chăn nuôi heo: tổng đàn heo 5.650 con, trong đó: có 01 cơ sở chăn nuôi quy mô trang trại vừa khoảng 300 con, còn lại là quy mô nhỏ và chăn nuôi heo nông hộ nhỏ lẻ.

- Chăn nuôi trâu, bò, dê: Tổng đàn trâu 12 con, tổng đàn bò 428 con, tổng đàn dê 71 con, trong đó 100% đều là chăn nuôi nông hộ nhỏ lẻ.

- Tổng đàn gia cầm: 59.050 con, chăn nuôi quy mô nông hộ nhỏ lẻ, với sản lượng thịt gia cầm giết bán 244 tấn.

3.3. Tồn tại, khó khăn

- Phần lớn nông dân vẫn còn tư duy sản xuất truyền thống, nhỏ lẻ, manh mún; thói quen "mua đứt bán đoạn" tại vườn thông qua các thương lái khó thay đổi. Sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao chưa trở thành hạt nhân để nhân rộng, chưa có chuỗi liên kết khép kín từ sản xuất đầu vào đến đầu ra sản phẩm, kể cả xuất khẩu.

- Số lượng hợp tác xã nông nghiệp có ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất còn ít.

- Chính sách ưu đãi hỗ trợ cho phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, sạch, hữu cơ rất thấp trong khi đòi hỏi nguồn đầu tư rất lớn. Bên cạnh đó, nguồn nhân lực cho phát triển nông nghiệp công nghệ cao, sạch, hữu cơ có trình độ hạn chế, ảnh hưởng đến việc mở rộng quy mô sản xuất.

- Các chuỗi liên kết sản phẩm nông nghiệp còn ít, chuỗi liên kết dọc mới chỉ có trong lĩnh vực chăn nuôi, chưa có trong lĩnh vực trồng trọt. Phát triển chăn nuôi

ảnh hưởng ô nhiễm môi trường; cây ăn trái, nấm ăn còn thiếu hệ thống kho lạnh, chưa có nhà máy chế biến, sản phẩm chủ yếu bán thô.

- Về quy hoạch trồng trọt, chăn nuôi chưa đồng bộ; mới có quy hoạch ngành Điều; chương trình phát triển các loại cây trồng chưa có quy hoạch nên sản xuất tự phát, theo lối truyền thống và theo tín hiệu thị trường gây khó khăn trong công tác quản lý, định hướng và dẫn dắt phát triển.

II. MỤC ĐÍCH YÊU CẦU

1. Mục đích

- Chủ động, tích cực nghiên cứu, ứng dụng các tiến bộ khoa học và công nghệ, nhất là công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới, cơ khí - tự động hóa, công nghệ thông tin, xem đây là nhiệm vụ có ý nghĩa quan trọng, vừa cấp bách vừa lâu dài.

- Phát huy tối đa các nguồn lực nhà nước và xã hội, tranh thủ các nguồn hỗ trợ của Trung ương, của tỉnh, đẩy mạnh việc ứng dụng khoa học công nghệ trên địa bàn thị xã.

- Ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ vào hoạt động sản xuất, kinh doanh và quản lý nhà nước phải nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của các sản phẩm, hàng hóa; nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý nhà nước, bảo vệ môi trường và sức khỏe người dân.

- Triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp theo Kế hoạch số 348/KH-UBND ngày 23/11/2022 của UBND tỉnh và Kế hoạch số 121/KH-TU ngày 14/12/2022 của Thị ủy về phát triển công nghiệp công nghệ cao trên địa bàn thị xã giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030.

- Huy động mọi nguồn lực, mọi thành phần kinh tế để đầu tư phát triển công nghiệp công nghệ cao, nhằm tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa trên nền tảng tiến bộ khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo trong giai đoạn từ nay đến năm 2030.

- Tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới dựa trên quy hoạch phát triển vùng; phát triển chuỗi giá trị hàng hóa và liên kết nông nghiệp với công nghiệp, dịch vụ, phát triển nông thôn, đô thị và bảo vệ môi trường sinh thái; hướng đến mục tiêu xây dựng nền sản xuất nông nghiệp hiện đại, có sự đột phá về chất lượng, sản phẩm, có giá trị kinh tế cao, thân thiện môi trường, thích ứng có hiệu quả với biến đổi khí hậu.

2. Yêu cầu

- Giải quyết vấn đề khoa học và công nghệ phục vụ trực tiếp cho các dự án đầu tư sản xuất sản phẩm trọng điểm, chủ lực, ưu tiên của thị xã hoặc để tạo ra sản phẩm có tính năng, chất lượng, giá cạnh tranh so với sản phẩm cùng loại sản xuất trong nước hoặc nhập khẩu.

- Kết quả khoa học công nghệ tạo ra phải đảm bảo được áp dụng để nâng cao hiệu quả kinh tế của các chương trình/đề tài/dự án đầu tư sản xuất; có khả năng lan tỏa hoặc có ý nghĩa tác động lâu dài tới sự phát triển khoa học và công nghệ của ngành, lĩnh vực.

- Phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ phải đảm bảo bền vững, hiệu quả và phù hợp với điều kiện thực tế của thị xã; sử dụng hiệu quả nguồn lực đất đai dựa trên tư duy kinh tế nông nghiệp, phù hợp với yêu cầu thị trường.

- Hình thành được các mô hình liên kết giữa nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ với đô thị sinh thái; 100% doanh nghiệp, hợp tác xã nông nghiệp đều ứng dụng công nghệ tiên tiến trong hoạt động sản xuất.

III. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

1.1. Đối với ngành khoa học công nghệ

Nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao tiến bộ KH&CN vào hoạt động sản xuất, kinh doanh, quản lý nhà nước; nhất là các tiến bộ KH&CN thuộc các lĩnh vực công nghệ sinh học (CNSH), công nghệ thông tin (CNTT), công nghệ vật liệu mới, cơ khí - tự động hóa nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của các sản phẩm, hàng hoá của thị xã; góp phần phục vụ phát triển kinh tế nhanh và bền vững; nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước, bảo vệ môi trường, sức khỏe người dân; giữ vững an ninh trật tự tại địa phương.

1.2. Đối với ngành công nghiệp công nghệ cao

Từng bước hình thành một số ngành sản xuất công nghiệp và các doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực công nghệ cao, góp phần nâng cao hiệu quả kinh tế, sức cạnh tranh các sản phẩm công nghiệp của thị xã.

1.3. Đối với ngành nông nghiệp

Phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ nhằm tái cơ cấu lại ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới dựa trên phát triển vùng; phát triển chuỗi giá trị hàng hóa và liên kết nông nghiệp với công nghiệp, dịch vụ, phát triển nông thôn, đô thị và bảo vệ môi trường sinh thái, hướng đến mục tiêu xây dựng nền sản xuất nông nghiệp hiện đại, có sự đột phá về năng suất chất lượng, sản phẩm, có giá trị kinh tế, thân thiện môi trường, thích ứng có hiệu quả với biến đổi khí hậu.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Đối với ngành khoa học công nghệ

- Nghiên cứu, tiếp nhận và ứng dụng hiệu quả thành tựu khoa học công nghệ phục vụ công tác quản lý nhà nước, sản xuất, kinh doanh, cảnh báo thiên tai, bảo vệ tài nguyên và môi trường trên địa bàn thị xã.

- Triển khai thành công Đề án sản xuất nông nghiệp sạch, ứng dụng công nghệ cao tại khu Sơn Long phường Sơn Giang.

- Đến năm 2025, 100% cơ quan quản lý nhà nước cấp thị xã áp dụng hiệu quả hệ thống quản lý chất lượng ISO điện tử.

- 100% các nhiệm vụ thuộc Kế hoạch sau khi nghiệm thu đạt yêu cầu được đưa vào ứng dụng trong thực tế.

2.2. Đối với ngành công nghiệp công nghệ cao

a) Đến năm 2025:

- Thúc đẩy phát triển và ứng dụng công nghệ cao, công nghệ tiên tiến vào hoạt động sản xuất một số lĩnh vực như công nghệ sinh học (ứng dụng vào sản xuất nông nghiệp, bảo vệ môi trường, bảo quản thực phẩm...), công nghệ vật liệu mới (ứng dụng vật liệu nano trong nông nghiệp, xử lý môi trường...).

- Hỗ trợ phát triển các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, các doanh nghiệp vừa và nhỏ trong công tác nghiên cứu phát triển sản phẩm mới, ứng dụng và chuyển giao công nghệ mới.

- Hỗ trợ các doanh nghiệp có dự án ứng dụng công nghệ cao để từng bước hình thành ngành công nghiệp công nghệ cao của thị xã.

b) Đến năm 2030:

- Ứng dụng công nghệ sinh học trong các ngành như nông nghiệp, bảo vệ môi trường, chế biến, bảo quản nông sản sau thu hoạch, thực phẩm.

- Tập trung ứng dụng công nghệ tiên tiến vào ngành chế biến điều và các sản phẩm từ cây điều.

2.3. Đối với ngành nông nghiệp

a) Giai đoạn 2021-2025

- Xây dựng và triển khai Đề án phát triển nông nghiệp sạch, ứng dụng công nghệ cao tại xã khu phố Sơn Long phường Sơn Giang.

- Sản xuất nông sản sạch, hữu cơ trên diện tích khoảng 2.000 ha, chiếm 33,6% tổng diện tích nông nghiệp (không tính diện tích cao su), trong đó có 75 ha sản xuất hữu cơ, chiếm khoảng 3,75%.

- Phát triển được một số mô hình liên kết giữa nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch, hữu cơ kết hợp với đô thị sinh thái- khu dân cư - du lịch- cảnh quan trên địa bàn thị xã.

- Hình thành một số trang trại chăn nuôi heo, chăn nuôi gia cầm theo hướng an toàn dịch bệnh theo tiêu chuẩn OIE.

- Phát triển ngành nuôi chim yến đúng quy định của tỉnh.

- Hỗ trợ phát triển khoảng 01-02 Hợp tác xã ứng dụng công nghệ cao trong hoạt động sản xuất, kinh doanh.

b) Giai đoạn 2025-2030

Sản xuất nông sản sạch, hữu cơ trên diện tích khoảng 5.000 ha, ước đạt 84,1% (không tính diện tích cây Cao su), trong đó có 270 ha sản xuất hữu cơ, ước đạt 5,4%.

- Tỷ lệ trang trại, cơ sở chăn nuôi gia xúc, gia cầm theo hướng an toàn đạt khoảng 100% số cơ sở.

- Khai thác được một số mô hình liên kết giữa nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch, hữu cơ kết hợp với đô thị sinh thái- khu dân cư - du lịch- cảnh quan trên địa bàn thị xã.

- Phấn đấu có ít nhất 03-05 dự án, mô hình mô hình trồng trọt, chăn nuôi, nuôi thủy sản theo hướng hữu cơ gắn liên kết sản xuất - tiêu thụ trên các đối tượng cây trồng, vật nuôi chủ lực và tiềm năng của thị xã.

- Phát triển khoảng 01- 02 Hợp tác xã ứng dụng công nghệ cao trong hoạt động sản xuất, kinh doanh.

IV. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Đối với ngành khoa học và công nghệ

Triển khai đồng bộ hoạt động nghiên cứu, ứng dụng KH&CN, đổi mới sáng tạo trên các lĩnh vực công nghiệp, nông nghiệp, tài nguyên, bảo vệ môi trường và trong hoạt động quản lý. Trong đó, ưu tiên lĩnh vực CNSH, công nghệ vật liệu mới, cơ khí - tự động và CNTT, cụ thể như sau:

1.1. Lĩnh vực công nghệ thông tin

- Đẩy mạnh ứng dụng CNTT, xây dựng và triển khai các ứng dụng chính quyền điện tử và chuyển đổi số.

- Ứng dụng công nghệ GIS để quản lý tài nguyên, môi trường, cảnh báo thiên tai, kiểm soát dịch bệnh cây trồng, vật nuôi.

- Xây dựng và áp dụng hệ thống ISO điện tử, quản lý thông tin, truy xuất nguồn gốc về các sản phẩm hàng hoá, nông lâm sản trên địa bàn thị xã.

- Xây dựng một xã nông thôn mới cơ bản đáp ứng các tiêu chí xã nông thôn mới thông minh.

- Xây dựng đô thị Phước Long sớm trở thành đô thị thông minh (mục tiêu đến năm 2025).

1.2. Lĩnh vực nông nghiệp, công nghệ sinh học

- Ứng dụng mạnh mẽ các chế phẩm sinh học để phòng chống sâu, bệnh hại cây trồng, bảo quản, chế biến nông lâm sản, xử lý ô nhiễm môi trường, nghiên cứu ứng dụng CNSH trong nông nghiệp, y - dược, chăm sóc sức khoẻ, bảo quản thực phẩm...

- Ứng dụng CNSH tạo các chế phẩm sinh học để kiểm soát dư lượng các chất cấm trong nông sản có nguồn gốc từ cây trồng.

- Ứng dụng các giải pháp sinh học nhằm nâng cao khả năng sinh sản và bảo vệ sức khỏe cho đàn gia súc, gia cầm trên địa bàn thị xã.

1.3. Lĩnh vực công nghệ vật liệu mới

- Tăng cường ứng dụng vật liệu nano, vật liệu polyme - composit đặc biệt phục vụ cho một số lĩnh vực công nghiệp, nông nghiệp và bảo vệ môi trường, vật liệu nhẹ dùng trong xây dựng...

- Ứng dụng công nghệ vật liệu mới trong sản xuất nông lâm nghiệp, thủy sản.

1.4. Lĩnh vực cơ khí - tự động hóa

- Xây dựng mô hình ứng dụng đồng bộ các giải pháp cơ giới hóa trong sản xuất nông, lâm nghiệp và chế biến sản phẩm nông, lâm sản, trong đó tập trung ưu tiên cho ngành công nghiệp chế biên sâu ngành điều.

- Tích hợp công nghệ tự động hóa, công nghệ số và công nghệ tiên tiến để phát triển các mô hình sản xuất, quản trị doanh nghiệp thông minh.

1.5. Lĩnh vực khác

- Hỗ trợ các doanh nghiệp đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ cho các sản phẩm, ý tưởng sáng tạo.

- Xây dựng, quản lý, khai thác và phát triển chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể đối với các sản phẩm đặc trưng, đặc sản địa phương và có thị trường tiêu thụ lớn.

2. Đối với ngành công nghiệp công nghệ cao

2.1. Hỗ trợ phát triển các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, các doanh nghiệp nhỏ và vừa trong công tác nghiên cứu phát triển sản phẩm mới, chuyển giao và ứng dụng công nghệ mới. Tập trung hỗ trợ các doanh nghiệp có dự án ứng dụng công nghệ cao để từng bước hình thành, phát triển các ngành công nghiệp công nghệ cao.

- Cơ quan chủ trì: phòng Kinh tế.

- Cơ quan phối hợp: phòng Tài chính Kế hoạch, Thị đoàn, các ngành liên quan; UBND các xã, phường.

- Thời gian thực hiện: 2022-2025.

2.2. Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực công nghiệp công nghệ cao thông qua các chương trình thúc đẩy liên kết giữa cơ sở đào tạo và doanh nghiệp, gắn kết giáo dục nghề nghiệp với thị trường lao động.

- Cơ quan chủ trì: phòng Lao động Thương binh và Xã hội.

- Cơ quan phối hợp: phòng Giáo dục và Đào tạo; Trung tâm GDNN-GDTX, các trường dạy nghề trên địa bàn tỉnh; các phòng ban liên quan; UBND các xã, phường.

- Thời gian thực hiện: 2022-2025.

2.3. Xây dựng danh mục dự án công nghiệp công nghệ cao kêu gọi đầu tư; tham mưu UBND thị xã đề xuất cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào ngành công nghiệp công nghệ cao.

- Cơ quan chủ trì: phòng Tài chính Kế hoạch.

- Cơ quan phối hợp: phòng Kinh tế; các ban ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố.

- Thời gian thực hiện: 2022-2025.

2.4. Huy động các nguồn lực đầu tư cho ứng dụng khoa học công nghệ từ Trung ương và của địa phương để phát triển cơ sở hạ tầng, kỹ thuật cho phát triển công nghệ cao, ươm tạo, hỗ trợ doanh nghiệp công nghệ cao.

- Cơ quan chủ trì: phòng Tài chính Kế hoạch.

- Cơ quan phối hợp: phòng Kinh tế; các ban ngành liên quan; UBND các xã, phường.

- Thời gian thực hiện: 2022-2025.

2.5. Phối hợp với các đơn vị liên quan rà soát, tham mưu UBND thị xã đề nghị các doanh nghiệp viễn thông đầu tư hoàn thiện hạ tầng công nghệ thông tin, thông tin liên lạc tại cụm công nghiệp Long Giang ngay sau khi triển khai.

- Cơ quan chủ trì: phòng Văn hóa Thông tin.

- Cơ quan phối hợp: phòng Kinh tế; phòng Quản lý đô thị, UBND xã Long Giang.

- Thời gian thực hiện: 2022-2025.

2.6. Phát triển cụm công nghiệp Long Giang theo hướng sản xuất chế biến kết hợp công nghiệp ứng dụng công nghệ cao, công nghệ mới, công nghệ sạch.

- Cơ quan chủ trì: phòng Kinh tế

- Cơ quan phối hợp: phòng Quản lý đô thị, phòng Tài nguyên Môi trường.

- Thời gian thực hiện: 2022-2025.

2.7. Hướng dẫn doanh nghiệp các thủ tục hồ sơ đăng ký xác nhận ưu đãi đầu tư ngành công nghiệp ứng dụng công nghệ cao; hồ sơ cấp Giấy chứng nhận hoạt động lĩnh vực công nghệ cao.

- Cơ quan chủ trì: phòng Kinh tế

- Cơ quan phối hợp: UBND các xã, phường.

- Thời gian thực hiện: 2022-2025.

3. Đối với ngành nông nghiệp

3.1. Quy hoạch ổn định vùng sản xuất

- Tổ chức rà soát quy hoạch và quy hoạch lại các vùng sản xuất tập trung phù hợp với phát triển đô thị theo quy hoạch chung của tỉnh; vùng sản xuất Điều theo quy hoạch phát triển ngành Điều; vùng chăn nuôi phát triển theo quy hoạch của tỉnh; các loại cây trồng khác dựa trên đánh giá lợi thế về điều kiện sinh thái, sản phẩm có thế mạnh và thị trường tiêu thụ để xác định các vùng có tiềm năng để sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch, nông ghiệp hữu cơ.

- Diện tích trồng Điều sạch đạt 500 ha/5.120 ha, chiếm 9,7%; diện tích trồng cây ăn quả sạch đạt 200 ha/336,8 ha, chiếm 59,4%. Đẩy mạnh thâm canh vùng sản xuất rau, tập trung sản xuất theo hướng sạch, chất lượng cao, an toàn vệ sinh thực phẩm.

3.2. Tuyên truyền, giáo dục đổi mới tư duy, thống nhất nhận thức và hành động

Tổ chức tuyên truyền, nâng cao nhận thức về chủ trương, đường lối của Đảng, Nhà nước về vai trò của nông nghiệp, nông dân, nông thôn trong giai đoạn phát triển mới. Tuyên truyền, thống nhất từ nhận thức đến hành động của từng nhóm đối tượng với những nội dung chính như:

- Phát triển nông nghiệp theo hướng hữu cơ, nông nghiệp sinh thái: Áp dụng các quy trình sản xuất thân thiện môi trường, bảo vệ cảnh quan; sử dụng hợp lý, tiết kiệm vật tư và tài nguyên đầu vào, không gây ảnh hưởng xấu tới môi trường, sức khỏe con người.

- Nông nghiệp công nghệ cao: Phát triển và ứng dụng các tiến bộ khoa học công nghệ để nâng cao năng suất, giá trị, chất lượng, khả năng thích nghi, hiệu quả sản xuất, giảm tổn thất... Phát triển nông nghiệp thông minh, ứng dụng công nghệ số.

- Phát triển nông nghiệp có trách nhiệm: Đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng về vệ sinh an toàn thực phẩm, môi trường sinh thái, thích ứng biến đổi khí hậu; phát triển thị trường xuất khẩu đi đôi với thị trường nội địa.

- Tổ chức tuyên truyền xây dựng mô hình /dự án, trình diễn các mô hình để tập trung đổi mới, nâng cao nhận thức về phát triển nông nghiệp bền vững, hữu cơ, sinh thái, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp có trách nhiệm phù hợp với điều kiện của thị xã.

3.3. Huy động nguồn lực và thu hút vốn đầu tư

- Đẩy mạnh huy động nguồn lực, thu hút vốn đầu tư trong và ngoài nước đầu tư vào nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ.

- Tập trung nguồn lực xã hội hóa, khuyến khích, mời gọi các doanh nghiệp, các hợp tác xã và người dân có nhu cầu đầu tư dự án xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu tập trung; kêu gọi đầu tư kết cấu hạ tầng; nghiên cứu, ứng dụng, thử nghiệm, trình diễn và sản xuất sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

- Khuyến khích người dân, doanh nghiệp đầu tư vốn ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp, hỗ trợ trang thiết bị đổi mới công nghệ, ứng dụng công nghệ cao; tập huấn, mô hình khuyến nông ứng dụng khoa học công nghệ; giống mới và một số vật tư thiết yếu phục vụ sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ; nhãn hiệu, bao bì, chứng nhận sản phẩm (OCOP, mã vùng trồng, truy xuất nguồn gốc...).

3.4. Phát triển các chuỗi sản xuất, liên kết tiêu thụ sản phẩm, xây dựng thương hiệu và thị trường

- Đẩy mạnh phát triển các chuỗi sản xuất, liên kết tiêu thụ sản phẩm, phối hợp xây dựng thương hiệu và thị trường.

- Khuyến khích doanh nghiệp sản xuất hàng hóa lớn, sản xuất theo chuỗi giá trị tham gia vào quá trình sản xuất, xây dựng vùng nguyên liệu, thu mua, chế biến, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn phù hợp với quy hoạch.

- Hỗ trợ cho các hộ nông dân liên kết, hợp tác để hình thành vùng nguyên liệu tập trung, vùng sản xuất quy mô lớn.

- Vận động người nông dân thay đổi tư duy sản xuất, tích cực chuyển đổi sản xuất cây trồng theo hướng ứng dụng công nghệ cao, sạch, hữu cơ; đẩy mạnh hợp tác để tạo thành các nhóm, tổ hợp tác, hợp tác xã nhằm mở rộng vùng nguyên liệu phục vụ nhu cầu tiêu thụ để thu hút doanh nghiệp đến thực hiện kết nối tiêu thụ sản phẩm.

3.5. Ứng dụng khoa học, công nghệ

- Khuyến khích, tạo điều kiện cho các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao, công nghệ sinh học vào nông nghiệp, xây dựng các mô hình mới có hiệu quả kinh tế.

- Tổ chức các lớp tập huấn chuyển giao tiến bộ kỹ thuật trồng, chăm sóc, thâm canh cho từng loại cây trồng, vật nuôi đã được định hướng phát triển; tổ chức tham quan học tập các mô hình nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, mô hình nông nghiệp kết hợp với du lịch sinh thái...

- Từng bước mở rộng chương trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP, GlobalGAP); xây dựng và nhân rộng mô hình điểm nông nghiệp hữu cơ trong lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản.

- Phối hợp hỗ trợ truy xuất nguồn gốc nông sản đến các chủ thể sản xuất; đầu tư, vận hành các thiết bị phân tích nhanh sản phẩm nông nghiệp nhằm tăng cường hiệu quả kiểm tra, giám sát vấn đề an toàn thực phẩm đối với sản phẩm nông nghiệp.

3.6. Phát triển thị trường bảo đảm đầu ra ổn định cho sản phẩm

- Hỗ trợ kết nối hệ thống chế biến, phân phối, bán lẻ hiện đại, truyền thống với các chuỗi cung ứng nông sản và gắn với các vùng chuyên canh, liên kết để đưa nông sản vào các hệ thống chợ, trung tâm thương mại.

- Phối hợp hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng và hệ thống trang thiết bị, kinh phí hoạt động để các tổ chức nông dân và hợp tác xã chủ động xây dựng được hệ thống kinh doanh bán lẻ tại thị trường nội thị. Đẩy mạnh cuộc vận động "Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam", hỗ trợ các đơn vị sản xuất kinh doanh phát triển thương mại điện tử, liên kết trực tiếp giữa vùng sản xuất với thị trường tiêu thụ sản phẩm cuối cùng.

3.7. Phát triển nông nghiệp bền vững dựa trên việc kết hợp hài hòa giữa phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường, hệ sinh thái

- Phát triển nông nghiệp bền vững dựa trên việc kết hợp hài hòa giữa phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường, hệ sinh thái.

- Tận dụng lợi thế về điều kiện địa hình, khí hậu, cảnh quan thiên nhiên, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội để thúc đẩy phát triển kinh tế du lịch gắn với nông nghiệp, nông thôn; thực hiện đồng bộ quy hoạch, ổn định vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ gắn kết chặt chẽ với quy hoạch du lịch để đảm bảo định hướng phát triển bền vững, vừa mang lại lợi ích kinh tế và bảo vệ môi trường nông thôn.

- Phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ phục vụ chuỗi giá trị nông sản, kết nối nông thôn - đô thị, đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới bền vững.

3.8. Nâng cao vai trò của các chủ thể

- Phát huy vai trò của người nông dân, thay đổi tư duy sản xuất nông nghiệp sang tư duy kinh tế nông nghiệp thông qua công tác đào tạo, tập huấn chuyển giao kỹ thuật về chăm sóc cây trồng, vật nuôi; ứng dụng khoa học, công nghệ vào sản xuất, bảo quản, tiêu thụ, xây dựng thương hiệu sản phẩm,...

- Thúc đẩy, hỗ trợ thành lập mới các hợp tác xã nông nghiệp, chú trọng phát triển hợp tác xã sản xuất, tiêu thụ các sản phẩm chủ lực, có thế mạnh để hình thành liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm; Xây dựng một số mô hình điểm, mang tính đột phá để nhân rộng.

- Thúc đẩy phát triển doanh nghiệp nông nghiệp và thu hút đầu tư vào các lĩnh vực sơ chế, bảo quản sau thu hoạch, chế biến, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp. Tăng cường liên kết giữa các doanh nghiệp với các tổ chức kinh tế tập thể và người nông dân, hình thành và phát triển các chuỗi liên kết trong sản xuất một cách bền vững.

V. NGUỒN KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Nguồn kinh phí

- Nguồn kinh phí sự nghiệp tỉnh phân bổ hằng năm.

- Nguồn vốn đầu tư từ ngân sách thị xã.

- Nguồn vốn hỗ trợ khác thông qua các chương trình, dự án.

- Vốn đối ứng, tài trợ của các doanh nghiệp, tổ chức khác phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Kinh phí thực hiện

Hàng năm, căn cứ vào nội dung nhiệm vụ được giao trong Kế hoạch này, các cơ quan, đơn vị được giao chủ trì triển khai các nhiệm vụ nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ lập dự toán kinh phí gửi phòng Tài chính Kế hoạch thẩm định, trình UBND thị xã xem xét, bố trí vào dự toán ngân sách giao các đơn vị.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Đối với các phòng, ban chuyên môn thuộc UBND thị xã

1.1. Phòng Kinh tế

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan, UBND các xã phường tham mưu UBND thị xã triển khai các nhiệm vụ phát triển khoa học công nghệ, nông nghiệp, công nghiệp công nghệ cao trên địa bàn thị xã.

- Xây dựng các mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ; các giống mới chất lượng cao phù hợp với nông nghiệp đô thị; hỗ trợ xây dựng nhãn hiệu hàng hóa và truy xuất nguồn gốc sản phẩm.

- Tổng hợp tham mưu đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ do các cơ

quan, tổ chức, cá nhân đề xuất, báo cáo kết quả thực hiện các nhiệm vụ trong phạm vi thẩm quyền, chức năng quản lý nhà nước được giao.

- Tuyên truyền, phổ biến bằng nhiều hình thức phù hợp để khuyến khích các tổ chức doanh nghiệp, HTX , hộ dân tích cực tham gia sản xuất nông nghiệp sạch, công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ và công nghiệp công nghệ cao.

- Theo dõi và tham mưu UBND thị xã các văn bản chỉ đạo để đôn đốc, chấn chỉnh việc thực hiện các nội dung, nhiệm vụ đảm bảo tiến độ theo Kế hoạch và giải quyết những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện Kế hoạch.

- Phối hợp với phòng Tài chính Kế hoạch tham mưu đề xuất UBND thị xã bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ được phê duyệt theo kế hoạch.

- Định kỳ hoặc đột xuất, tham mưu UBND thị xã báo cáo Sở, ngành liên quan và cơ quan cấp trên có thẩm quyền.

1.2. Phòng Tài nguyên và Môi trường

Chủ trì phối hợp với các ngành liên quan, các địa phương triển khai thực hiện thuê đất, thu hồi đất xây dựng dự án công nghiệp, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Hướng dẫn thực hiện các thủ tục tập trung, tích tụ đất nông nghiệp, chuyển mục đích sử dụng đất, bảo vệ môi trường cho các dự án, mô hình nông nghiệp theo đúng các quy định của pháp luật.

1.3. Phòng Quản lý đô thị

Chủ trì phối hợp với các ngành liên quan tham mưu cho UBND thị xã giải quyết các vấn đề liên quan đến quy hoạch hạ tầng cụm công nghiệp, dự án nông nghiệp sạch ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ thuộc thẩm quyền của UBND thị xã.

1.4. Phòng Tài chính Kế hoạch

- Phối hợp với các đơn vị liên quan đề xuất các giải pháp thu hút các nhà đầu tư, đa dạng hóa các nguồn vốn đầu tư vào ứng dụng KH&CN trong các lĩnh vực, trong đó ưu tiến các lĩnh vực CNSH, công nghệ vật liệu mới, cơ khí - tự động hóa, CNTT vào sản xuất và đời sống phù hợp với điều kiện của thị xã.

- Tổ chức tổng hợp, thẩm định kinh phí sử dụng của các đơn vị, tham mưu UBND thị xã phân bổ hằng năm theo quy định.

1.5. Các phòng: Văn hóa Thông tin, Giáo dục và Đào tạo, Trung tâm Y tế; Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp; Xí nghiệp Công trình đô thị

- Tuyên truyền, vận động và đề xuất các đơn vị, doanh nghiệp thuộc lĩnh vực quản lý tham gia thực hiện các nhiệm vụ thuộc Kế hoạch.

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và nhu cầu hỗ trợ các đơn vị, doanh nghiệp chủ trì đề xuất, phối hợp phòng Kinh tế xây dựng, triển khai các nhiệm vụ thuộc Kế hoạch trong phạm vi quản lý theo thẩm quyền, đảm bảo đúng quy định pháp luật.

- Phối hợp triển khai thực hiện các nội dung được giao trong Kế hoạch.

2. UBND các xã, phường

- Chủ động lồng ghép nội dung kế hoạch trong chương trình phát triển KT-XH giai đoạn và hàng năm phù hợp với thực tế địa phương; phối hợp với các ngành triển khai thực hiện có hiệu quả các nội dung được giao trong Kế hoạch này.

- Xây dựng kế hoạch phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ tại địa phương; phối hợp với các cơ quan thị xã tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch này đảm bảo đồng bộ, thống nhất. Đề xuất các nhiệm vụ, dự án, mô hình, giải pháp để thực hiện kế hoạch.

- Tuyên truyền, hướng dẫn, vận động các tổ chức, cá nhân tích cực tham gia thực hiện đề án, dự án về phát triển nông nghiệp. Đề xuất, đăng ký các dự án, mô hình ứng dụng và chuyển giao khoa học công nghệ phục vụ phát triển kinh tế -xã hội nông nghiệp, nông thôn.

- Tổ chức lại sản xuất, xác định từng vùng cụ thể để ứng dụng khoa học công nghệ, công nghệ cao và hữu cơ tạo sự ổn định, nâng cao giá trị sản phẩm và hiệu quả cho người sản xuất tại địa phương.

- Triển khai thực hiện có hiệu quả chính sách khuyến khích hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm và các chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông lâm nghiệp nhà nước đã ban hành.

3. Đề nghị UBMTTQ Việt Nam và các tổ chức Hội, Đoàn thể thị xã

- Tổ chức tuyên truyền thông và vận động thành viên, hội viên, quần chúng Nhân dân tham gia phát triển nông nghiệp, nông thôn; Huy động thành lập các quỹ hội theo quy định để hỗ trợ các đoàn viên, hội viên thực hiện các chương trình, dự án phát triển nông nghiệp đô thị trên địa bàn thị xã.

- Phối hợp với các cơ quan chức năng có liên quan giám sát và phát huy vai trò của mọi tầng lớp nhân dân, cộng đồng doanh nghiệp trong thực hiện phát triển nông nghiệp sạch, công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ.

- Hội Nông dân thị xã:

+ Tổ chức tuyên truyền và xây dựng các phong trào nông dân sản xuất kinh doanh giỏi gắn với sản phẩm sạch có chứng nhận chất lượng. Hỗ trợ xây dựng các Chi hội, tổ hội nghề nghiệp theo hướng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch, hữu cơ, theo kế hoạch hàng năm, giai đoạn.

+ Đẩy mạnh hoạt động tư vấn, khuyến khích người dân phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch, hữu cơ; hỗ trợ đào tạo người dân thực hiện phát triển nông nghiệp; nâng cao vai trò làm cầu nối giữa nhà nông với nhà khoa học và doanh nghiệp; đề xuất các cơ chế, chính sách cho người dân vay vốn để phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

4. Chế độ báo cáo

Các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ có trách nhiệm báo cáo sơ kết, tổng kết kết quả thực hiện gửi về phòng Kinh tế trước ngày 30/11 hàng năm để tổng hợp, tham mưu UBND thị xã báo cáo Ban thường vụ Thị ủy.

Trên đây là kế hoạch nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ trong các lĩnh vực; phát triển công nghiệp công nghệ cao và nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn thị xã Phước Long giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030. Đề nghị các cơ quan, đơn vị,UBND các xã phường nghiêm túc triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:
- Các Sở: KHCN, NN&PTNT, Công thương;
- TT. TU, TT. HĐND thị xã,
- BTT. UBMTTQVN thị xã;
- CT, các PCT UBND thị xã;
- Các CQ, BN, ĐT thị xã;
- UBND các xã, phường;
- Cổng TTĐT thị xã;
- LĐVP, CVVP;
- Lưu: VT.

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Việt Hoàng

PHỤ LỤC
DANH MỤC NHIỆM VỤ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN TRONG GIAI ĐOẠN 2021-2025
(Kèm theo Kế hoạch số 107 /KH-UBND ngày 05 / 5 /2023 của UBND thị xã Phước Long)

Stt	Tên nhiệm vụ KH&CN	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
1	Xây dựng hệ thống sơ chế, bảo quản sau thu hoạch trái sầu riêng	Phòng Kinh tế	Hội nông dân; Các doanh nghiệp, HTX, UBND cấp xã và Trung tâm DVNN	2022-2025
2	Nghiên cứu ứng dụng chế phẩm sinh học trong phòng chống bệnh hại tổng hợp trên cây điều và cây sầu riêng	Trung tâm DVNN	Phòng Kinh tế, Hội nông dân thị xã, UBND các xã, phường	2022-2025
3	Lập Đề án phát triển sản xuất nông nghiệp sạch, công nghệ cao Sơn Long, phường Sơn Giang	Phòng Kinh tế	Các phòng QLĐT, TNMT, TCKH; Hội nông dân; Trung tâm DVNN; UBND phường Sơn Giang	2022-2025
4	Ứng dụng KHCN trong chế biến sâu hạt điều	Phòng Kinh tế	Các HTX, doanh nghiệp chế biến điều, các sở ngành	2022-2025
5	Xây dựng hệ thống quản lý thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa	Phòng Kinh tế	Phòng VHTT, UBND cấp xã, các sở ngành, các doanh nghiệp, HTX	Theo KH của tỉnh
6	Xây dựng và áp dụng ISO điện tử cho các cơ quan hành chính cấp thị xã, cấp xã trên địa bàn thị xã	Văn phòng HĐND và UBND thị xã	Phòng Kinh tế, VHTT, UBND các xã, phường	2022-2025
7	Xây dựng phát triển đô thị thông minh	Phòng Văn hóa thông tin	Văn phòng HĐND và UBND thị xã	2022-2025
8	Ứng dụng thiết bị cảm biến thông minh được kết nối và điều khiển tự động trong sản xuất nông nghiệp	Phòng Kinh tế	Hội nông dân, Trung tâm DVNN, các HTX nông nghiệp, UBND cấp xã.	2022-2025
9	Ứng dụng KHCN trong việc tự động hóa đo chất lượng và mực nước tại các hồ chứa thủy lợi để cảnh báo, hỗ trợ điều hành hệ thống thủy lợi phục vụ sản xuất	Phòng Kinh tế	Phòng TNMT; UBND phường Phước Bình, Sơn Giang	2022-2025
10	Các nhiệm vụ KH&CN khác	Phòng Kinh tế	Các tổ chức, cá nhân đăng ký chủ trì	Hàng năm